TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 56/2018/HS - ST
Ngày: 15 - 8 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T - Sinh năm 1986, tại huyện TN, tỉnh NĐ; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố LP, thị trấn CT, huyện TN, tỉnh NĐ. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thái T, sinh năm 1954 và bà Trần Thị N, sinh năm 1954; Vợ là Trần Thị N, sinh năm 1991; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án: Ngày 17/11/2016 bị TAND huyện Giao Thủy xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ra trại ngày 20/5/2017. Nhân thân: Ngày 14/02/2015, bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2018. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Giao Thủy.

- *Người bị hại:* Anh Trần Văn T - Sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2, xã GT, huyện GT, tỉnh NĐ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Văn H - Sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố BĐ 2, thị trấn CT, huyện TN, tỉnh NĐ.

- *Người làm chứng*: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2, xã GT, huyện GT, tỉnh NĐ.

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 19/6/2018, Trần Văn T đi xe bus sang khu vực dốc HN, xã GT, huyện GT với mục đích mua ma túy để sử dụng nhưng không mua được. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, khi T đang ngồi ở đốc HN thì Trần Văn T1 đi xe máy Hon đa Air Blade BKS 18G1-14205 màu đỏ đen đến rủ T đi mua ma túy sử dụng chung. T đồng ý rồi đưa cho T1 100.000 đồng. Sau đó T chở T vào một đường dong thuộc xóm 9 QT xã GT thì dừng lại. T1 đi vào trong dong nhờ người quen mua ma túy hộ còn T đứng ở ngoài chờ. Đợi 1 lúc không thấy T1 ra, thấy chìa khóa xe còn cắm ở ổ điện, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của T1. T nổ máy điều khiển xe về khu vực đê huyện Hải Hậu rồi dừng lại kiểm tra trong cốp xe thì có 01 chiếc điện thoại Nokia Lumia 530 màu vàng cam đã qua sử dụng, 01 đăng ký xe máy, 01 thẻ bảo hiểm xe máy, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng C tất cả đều mang tên Trần Văn T1; 01 thẻ công nhân, 01 thẻ ngân hàng Techombank, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tất cả mang tên Trần Thị Th (vợ của anh T1). Sau đó, T đi lòng vòng đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì mang đến cửa hàng xe máy TQ ở thị trấn CT, huyện TN bán cho anh Trần Văn H lấy 12.000.000 đồng, sau đó tiêu xài hết 500.000 đồng. Còn T1 sau khi vào nhà người quen nhờ hộ mua ma túy nhưng không gặp được, khi đi ra ngoài thì không thấy T đâu và phát hiện bị mất xe nên đến Công an xã GT trình báo. Đến ngày 20/6/2018, Trần Văn T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy triệu tập đến làm việc, T khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như trên.

Ngày 21/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Giao Thủy đã định giá và xác định: "01 xe máy nhãn hiệu AIRBLADE , màu sơn đỏ đen, BKS 18G1 - 14205 có trị giá 24.600.000 đồng"; "01 điện thoại di động Nokia Lumia 530 màu vàng cam có trị giá 300.000 đồng".

Bản cáo trạng số: 57/CTR ngày 25/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe máy Air Blade BKS 18 G1 - 14205 màu đỏ đen trị giá 24.600.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Nokia cũ trị giá 300.000 đồng để trong cốp xe của anh Trần Văn T1 rồi mang bán chiếc xe cho anh Trần Văn H lấy 12.000.000 đồng . Như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T về tội " Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1

Điều 173; điểm s khoản Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu sung ngân sách số tiền 500.000 đồng do T chiếm hưởng bất hợp pháp mà có.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng Nghị án, bị cáo được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày bản thân nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ ngày 19/6/2018, lợi dung sơ hở trong viêc quản lý tài sản của anh Trần Văn T1, bị cáo Trần Văn T đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe máy Air Blade BKS 18 G1 - 14205 trị giá 24.600.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Nokia đã cũ trị giá 300.000 đồng để trong cốp xe của Trần Văn T1 rồi mang chiếc xe bán cho anh Trần Văn Hi lấy 12.000.000 đồng sau đó tiêu xài hết 500.000 đồng. Bị cáo có 01 tiền án về tội tội "Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 20/5/2017, chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã từng phải chấp hành hình phạt tù về "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác dẫn đến phạm tội. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", ra trại ngày 20/5/2017, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải

chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy Air Blade BKS 18 G1 - 14205, 01 điện thoại di động Nokia Lumia đã qua sử dụng và các giấy tờ thu giữ là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T1 và chị Trần Thị Th nên Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho anh T1. Nay anh T1 và chị Th đã nhận lại tài sản, cũng như toàn bộ các loại giấy tờ của mình và không có đề nghị gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với anh Trần Văn H đã mua chiếc xe máy do Trần Văn T trộm cắp nhưng khi mua xe anh H không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý. Đối với số tiền 12.000.000 đồng anh H bỏ ra mua xe từ bị cáo, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ số tiền 11.500.000 đồng ở bị cáo và đã trả lại cho anh H số tiền 500.000 đồng còn lại anh H không yêu cầu. Đây là số tiền bị cáo chiếm hưởng do phạm tội mà có, nên buộc bị cáo phải truy nộp số tiền 500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Trần Văn Tơn 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2018.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải truy nộp số tiền 500.000 đồng do phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước.

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Giao thủy;
- Công an huyện Giao Thủy;
- Bị cáo; người bị hại,
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Lâm